

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 188/2025/DS-ST

Ngày: 11/4/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Quốc T; Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Thành N – thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Thu H – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, T2 phố Hịa Chí M xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 439/2023/DSST ngày 05 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 238/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Ngân hàng TMCP Đ (B1); Trụ sở chính : A T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội. Liên hệ : Ngân hàng TMCP Đ (B1) – Chi nhánh T5; Địa chỉ : 2 C, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền : ông Huỳnh Thanh B

Bị đơn : Ông Trần Minh N1 – sinh năm 1979 và bà Huỳnh Thị Ánh T3 – sinh năm 1978; Cùng địa chỉ : H T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan : Công ty cổ phần G; Địa chỉ : H T, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật : Bà Nguyễn Thị H1; Địa chỉ : Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

(Tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (B1) ông Huỳnh Thanh B –có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Trần Minh N1 – vắng mặt; Bị đơn bà Huỳnh Thị Ánh T3 – vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần G có Người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị H1 – có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 7 năm 2023 và tại bản tự khai, các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (B1) ông Huỳnh Thanh B trình bày : Ông Trần Minh N1 cùng vợ là bà Huỳnh Thị Ánh T3 và Ngân hàng TMCP Đ (B1) – Chi nhánh T5 ký kết các Hợp đồng như sau : Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2020/4570799/HĐTD ký ngày 01/04/2020 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; số tiền cho vay : 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng, mục đích vay: Cho vay nhu cầu nhà ở; cụ thể: Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 546, TĐĐ số 14, địa chỉ Một phần nhà 5 T, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để xây nhà ở. Thời hạn vay : 240 tháng, kể từ ngày 01/04/2020. Số tiền cho vay đã giải ngân là 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng. Số tiền nợ chưa trả tính đến hết ngày 08/01/2024 : 9.556.002.365 (chín tỷ năm trăm năm mươi sáu triệu không trăm lẻ hai nghìn ba trăm sáu mươi lăm) đồng; trong đó tiền nợ gốc là 8.575.022.000 (tám tỷ năm trăm bảy mươi lăm triệu không trăm hai mươi hai nghìn) đồng trong đó nợ gốc quá hạn là 408.326.000 (bốn trăm linh tám triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn) đồng, số tiền nợ lãi là 944.017.202 (chín trăm bốn mươi bốn triệu không trăm mười bảy nghìn hai trăm lẻ hai) đồng trong đó lãi trong hạn là 93.455.993 (chín mươi ba triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm chín mươi ba) đồng, lãi quá hạn là 850.561.209 (tám trăm năm mươi triệu năm trăm sáu mươi một nghìn hai trăm linh chín) đồng; Phí trả chậm : 36.963.163 (ba mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn một trăm sáu mươi ba) đồng. Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 giữa Ông Trần Minh N1 và Ngân hàng TMCP Đ : Hạn mức thẻ : 100.000.000 (một trăm triệu) đồng; Số tiền nợ chưa trả tính đến hết ngày 08/01/2024 là 63.930.940 (sáu mươi ba triệu chín trăm ba mươi nghìn chín trăm bốn mươi) đồng; trong đó tiền nợ gốc là 52.376.068 (năm mươi hai triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm sáu mươi tám) đồng, tiền nợ lãi là 8.833.863 (tám triệu tám trăm ba mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi ba) đồng và phí trả chậm là 2.721.009 (hai triệu bảy trăm hai mươi một nghìn không trăm linh chín) đồng. Thời gian quá hạn nợ tính đến ngày 08/01/2024 : 302 ngày. Bản Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 02/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 giữa bà Huỳnh Thị Ánh T3 và Ngân hàng TMCP Đ có Hạn mức thẻ : 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Số tiền nợ chưa trả tính đến hết ngày 08/01/2024 là 116.401.089 (một trăm mười sáu triệu bốn trăm linh bốn nghìn không trăm tám mươi chín) đồng trong đó tiền nợ gốc là 86.001.660 (tám mươi sáu triệu không trăm linh một nghìn sáu trăm sáu mươi) đồng, tiền nợ lãi là 25.987.913 (hai mươi lăm triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm mười ba) đồng và phí trả chậm là 4.411.516 (bốn triệu bốn trăm mười một nghìn năm trăm mười sáu) đồng. Thời gian quá hạn nợ tính đến ngày 08/01/2024 : 578 ngày. Thông tin về tài sản bảo đảm : Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 546, tờ bản đồ số 14, tại địa chỉ một phần nhà 5 T, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể: Thửa đất số : 546; Tờ bản đồ số: 14; Địa chỉ : Một phần nhà 5 T, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CO 955915 (Số vào sổ cấp GCN số CH06369) do Ủy Ban Nhân Dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/01/2020; Đăng ký biến động chủ sử dụng đất gần nhất ngày 08/04/2020 để Bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bị đơn đối với Ngân hàng TMCP Đ phát sinh từ các hợp đồng cấp tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 02/2020/4570799/HĐTD ký ngày 01/04/2020 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số

01/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 và Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 02/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 theo Hợp đồng thế chấp số 02/2020/4570799/HĐBĐ ký ngày 13/04/2020 và bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty CP G (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305368895 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp lần đầu ngày 05/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/08/2016) đối với B1 phát sinh từ các hợp đồng cấp tín dụng: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/10141952/HĐTD ngày 07/06/2019, hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/10141952/HĐTD ngày 08/06/2020 và hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/10141952/HĐTD ngày 11/06/2021 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2020/10141952/HĐBĐ ký ngày 13/04/2020.

Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện như sau :

-Buộc ông Trần Minh N1 cùng vợ là bà Huỳnh Thị Ánh T3 phải thanh toán toàn bộ số nợ tạm tính đến hết ngày 08/01/2024, các khoản vay của ông Trần Minh N1 cùng vợ là bà Huỳnh Thị Ánh T3 tại Ngân hàng TMCP Đ theo Hợp đồng tín dụng số 02/2020/4570799/HĐTD ký ngày 01/04/2020 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020; Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 02/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 với tổng số tiền là: 9.736.334.394 (chín tỷ bảy trăm ba mươi sáu triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi bốn) đồng, trong đó dư nợ gốc, lãi, phí trả chậm của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2020/4570799/HĐTD ký ngày 01/04/2020 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung là 9.556.002.365 (chín tỷ năm trăm năm mươi sáu không trăm linh hai nghìn ba trăm sáu mươi lăm) đồng, bao gồm tiền nợ gốc là 8.575.022.000 (tám triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm hai mươi hai nghìn) đồng trong đó tiền nợ gốc quá hạn là 408.326.000 (bốn trăm linh tám triệu ba trăm hai mươi sáu) đồng, tiền nợ lãi : 944.017.202 (chín trăm bốn mươi bốn triệu không trăm mười bảy nghìn hai trăm linh hai) đồng và phí trả chậm : 36.963.163 (ba mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn một trăm sáu mươi ba) đồng .Dư nợ của Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 là 63.930.940 (sáu mươi ba triệu chín trăm ba mươi nghìn chín trăm bốn mươi) đồng. Dư nợ của Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 02/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 là 116.401.089 (một trăm mười sáu triệu bốn trăm linh một nghìn không trăm tám mươi chín) đồng.Thời hạn thanh toán nợ là một lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

-Trường hợp bị đơn ông Trần Minh N1 cùng vợ là bà Huỳnh Thị Ánh T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu tuyên Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 546, tờ bản đồ số 14, tại địa chỉ một phần nhà 5 T, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của bị đơn để ưu tiên thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ của bị đơn đối với Ngân hàng TMCP Đ. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 546, tờ bản đồ số 14, tại địa chỉ một phần nhà 5 T, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của bị đơn sau khi thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ của bị đơn đối với Ngân hàng TMCP Đ nếu còn dư sẽ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của Công ty CP G (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305368895 do Sở Kế

hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp lần đầu ngày 05/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/08/2016) đối với Ngân hàng TMCP Đ.

-Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ để thanh toán nợ gốc và lãi cho các nghĩa vụ nêu trên thì yêu cầu buộc ông Trần Minh N1 cùng vợ là bà Huỳnh Thị Ánh T3 tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 15 tháng 11 năm 2023 bị đơn bà Huỳnh Thị Ánh T3 có đến Tòa án xin sao chụp tài liệu khởi kiện và có lời trình bày tại bản tự khai cùng ngày xác nhận việc vay tiền tại Ngân hàng TMCP Đ (B1) – Chi nhánh T5, không rõ số tiền còn nợ. Sau đó, mặc dù đã tổng đạt tất cả các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng các bị đơn ông Trần Minh N1 và bà Huỳnh Thị Ánh T3 vẫn không đến tham gia các buổi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và không có gửi văn bản ghi ý kiến trình bày của các ông bà. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 13 tháng 3 năm 2025, bị đơn ông Trần Minh N1 có mặt, bị đơn bà Huỳnh Thị Ánh T3 vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11 tháng 4 năm 2025, Ngân hàng TMCP Đ (B1) ông Huỳnh Thanh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và nộp kèm theo bản tự khai xác nhận nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, số tiền bị đơn ông Trần Minh N1 và bà Huỳnh Thị Ánh T3 còn nợ Ngân hàng TMCP Đ (B1) tính đến ngày 11 tháng 04 năm 2025 theo Hợp đồng tín dụng số 02/2020/4570799/HĐTD ký ngày 01/04/2020 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 và Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 02/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 là : 10.949.364.862 (mười tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi hai) đồng trong đó :Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 02/2020/4570799/HĐTD ký ngày 01/04/2020 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung là 10.723.309.366 (mười tỷ bảy trăm hai mươi ba triệu ba trăm linh chín nghìn ba trăm sáu mươi sáu) bao gồm nợ gốc : 8.575.022.000 (tám tỷ năm trăm bảy mươi năm triệu không trăm hai mươi hai nghìn) đồng, nợ lãi : 2.148.287.366 (hai tỷ một trăm bốn mươi tám triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi sáu) đồng; Dư nợ theo Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 là 81.068.821 (tám mươi một triệu không trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm hai mươi một) đồng bao gồm nợ gốc : 52.376.068 (năm mươi hai triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm sáu mươi tám) đồng, nợ lãi : 28.692.753 (hai mươi tám triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi ba) đồng và Dư nợ theo Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 02/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 là 144.986.676 (một trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi sáu) đồng bao gồm nợ gốc : 86.001.660 (tám mươi sáu triệu không trăm linh một nghìn sáu trăm sáu mươi) đồng, nợ lãi : 58.985.016 (năm mươi tám triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn không trăm mười sáu) đồng. Về chi phí tố tụng khác : nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Trần Minh N1 và bà Huỳnh Thị Ánh T3 phải trả lại số tiền nguyên đơn đã tạm ứng để thực hiện xem xét thẩm định tại chỗ đối với đối với tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 546, tờ bản đồ số 14, tại địa chỉ một phần nhà 5 T, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Bị đơn ông Trần Minh N1 vắng mặt. Bị đơn bà Huỳnh Thị Ánh T3 có đến Tòa án nhưng đã bỏ về trước khi Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh khai mạc phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần G có Người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến với nội dung chính như sau:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý, thu thập chứng cứ đều tuân đúng quy định pháp luật theo các Điều 68, từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ Điều 93,94,95 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 295,299,463,466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 91,95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (B1)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐ đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 02/2020/4570799/HĐTD ký ngày 01/04/2020 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 và Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 02/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ (B1) và ông Trần Minh N1, bà Huỳnh Thị Ánh T3 thì đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về tín dụng. Các bị đơn có địa chỉ nơi cư ngụ tại quận T, thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về xét xử vắng mặt của đương sự : Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (B1) ông Huỳnh Thanh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng bị đơn ông Trần Minh N1 vắng mặt, bị đơn bà Huỳnh Thị Ánh T3 đã bỏ về trước khi Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh khai mạc phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần G có Người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (B1) yêu cầu bị đơn ông Trần Minh N1 và bà Huỳnh Thị Ánh T3 thanh toán nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/4/2025) tổng cộng là 10.949.364.862 (mười tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi hai) đồng trong đó :Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 02/2020/4570799/HĐTD ký ngày 01/04/2020 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung là 10.723.309.366 (mười tỷ bảy trăm hai mươi ba triệu ba trăm linh chín nghìn ba trăm sáu mươi sáu) bao gồm nợ gốc : 8.575.022.000 (tám tỷ năm trăm bảy mươi năm triệu không trăm hai mươi hai nghìn)

đồng, nợ lãi : 2.148.287.366 (hai tỷ một trăm bốn mươi tám triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi sáu) đồng; Dư nợ theo Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 là 81.068.821 (tám mươi một triệu không trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm hai mươi một) đồng bao gồm nợ gốc : 52.376.068 (năm mươi hai triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm sáu mươi tám) đồng, nợ lãi : 28.692.753 (hai mươi tám triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi ba) đồng và Dư nợ theo Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 02/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 là 144.986.676 (một trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi sáu) đồng bao gồm nợ gốc : 86.001.660 (tám mươi sáu triệu không trăm linh một nghìn sáu trăm sáu mươi) đồng, nợ lãi : 58.985.016 (năm mươi tám triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn không trăm mười sáu) đồng.

Căn cứ vào Điều 295, Điều 299, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 12 Nghị Định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm ngày 29/12/2006, Điều 49 và Điều 52 Nghị định 21/2021/NĐ-CP hướng dẫn Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ ngày 15/5/2021. Căn cứ Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2 Quy định hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước đối với khách hàng. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự có cơ sở xác định bị đơn ông Trần Minh N1 và bà Huỳnh Thị Ánh T3 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo quy định Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (B1) về việc buộc bị đơn ông Trần Minh N1 và bà Huỳnh Thị Ánh T3 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ (B1) tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/4/2025) là 10.949.364.862 (mười tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi hai) đồng trong đó :Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 02/2020/4570799/HĐTD ký ngày 01/04/2020 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung là 10.723.309.366 (mười tỷ bảy trăm hai mươi ba triệu ba trăm linh chín nghìn ba trăm sáu mươi sáu) bao gồm nợ gốc : 8.575.022.000 (tám tỷ năm trăm bảy mươi năm triệu không trăm hai mươi hai nghìn) đồng, nợ lãi : 2.148.287.366 (hai tỷ một trăm bốn mươi tám triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi sáu) đồng; Dư nợ theo Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 là 81.068.821 (tám mươi một triệu không trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm hai mươi một) đồng bao gồm nợ gốc : 52.376.068 (năm mươi hai triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm sáu mươi tám) đồng, nợ lãi : 28.692.753 (hai mươi tám triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi ba) đồng và Dư nợ theo Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 02/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 là 144.986.676 (một trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi sáu) đồng bao gồm nợ gốc : 86.001.660 (tám mươi sáu triệu không trăm linh một nghìn sáu trăm sáu mươi) đồng, nợ lãi : 58.985.016 (năm mươi tám triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn không trăm mười sáu) đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

Trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án có thực hiện việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với đối với tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 546, tờ bản đồ số 14, tại địa chỉ một phần nhà 5 T, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của bị đơn để ưu tiên thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ của bị đơn đối với Ngân hàng TMCP Đ theo Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ số

1314/2024/QĐ-XXTĐTC ngày 28/8/2024. Qua thực tế xem xét, thẩm định thì tài sản thế chấp là một nhà kho, dựng kèo sắt, mái tôn, nền xi – măng. Tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/10141952/HĐBĐ ngày 14/3/2020 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2020/4570799/HĐBĐ ngày 13/4/2020 thể hiện thông tin về tài sản bảo đảm :Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 546, tờ bản đồ số 14, tại địa chỉ một phần nhà 5 T, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CO 955915 (Số vào sổ cấp GCN số CH06369) do Ủy Ban Nhân Dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/01/2020; Đăng ký biến động chủ sử dụng đất gần nhất ngày 08/04/2020 để Bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bị đơn đối với Ngân hàng TMCP Đ phát sinh từ các hợp đồng cấp tín dụng : Hợp đồng tín dụng số 02/2020/4570799/HĐTD ký ngày 01/04/2020 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 và Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 02/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 theo Hợp đồng thế chấp số 02/2020/4570799/HĐBĐ ký ngày 13/04/2020 và bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty CP G (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305368895 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp lần đầu ngày 05/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/08/2016), các bên đương sự có thỏa thuận bên được bảo đảm là Công ty cổ phần G, đối với Ngân hàng TMCP Đ (B1) phát sinh từ các hợp đồng cấp tín dụng : Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/10141952/HĐTD ngày 07/06/2019, hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/10141952/HĐTD ngày 08/06/2020 và hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/10141952/HĐTD ngày 11/06/2021. Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã ủy thác cho T4 án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho Người có quyền lợi,nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần G có Người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị H1 theo quy định pháp luật nhưng bà H1 vẫn không đến và không có văn bản nào gửi đến Tòa án ghi ý kiến cá nhân của bà. Căn cứ vào Điều 299, Điều 317 và Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp, cụ thể trường hợp bị đơn ông Trần Minh N1 và bà Huỳnh Thị Ánh T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 546, tờ bản đồ số 14, tại địa chỉ một phần nhà 5 T, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của bị đơn để ưu tiên thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ của bị đơn đối với Ngân hàng TMCP Đ. Sau khi thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ của bị đơn đối với Ngân hàng TMCP Đ trong trường hợp vẫn còn sẽ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của Công ty CP G (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305368895 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp lần đầu ngày 05/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/08/2016) đối với Ngân hàng TMCP Đ của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (B1). Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (B1).

[4] Các vấn đề khác trong vụ án : Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị Ánh T3 có đến Tòa án vào ngày 15/11/2023 để tìm hiểu việc khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (B1), có Đơn xin sao chụp hồ sơ và có cho lời khai cụ thể tại bản tự khai cùng ngày. Sau đó, mặc dù Tòa án thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự qua Thừa phát lại nhưng bà T3 vẫn không đến, thể

hiện qua các lần hòa giải đều vắng mặt và không có văn bản nào gửi đến Tòa án ghi ý kiến cá nhân của bà. Ngày 26/02/2025, bị đơn bà Huỳnh Thị Ánh T3 nộp đơn khiếu nại. Ngày 03/4/2025, bà T3 có Đơn xin sao chụp hồ sơ tài liệu chứng cứ với nội dung được sao chụp các tài liệu chứng cứ gồm :

“...1/Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án

2/Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp cho Tòa án

3/ Tài liệu chứng cứ do người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cung cấp cho Tòa án

4/Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được...”

Tòa án đã lập Biên bản ghi nhận sự việc cùng ngày, ghi rõ việc đã nhận Đơn xin sao chụp hồ sơ tài liệu chứng cứ và hẹn đương sự vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 08/4/2025 đến Tòa án để được sao chụp tài liệu theo yêu cầu. Ngày 08/4/2025 bà T3 không đến. Ngày 09/4/2025 bà T3 đến và yêu cầu Tòa án sao chụp toàn bộ hồ sơ vụ án Dân sự. Tòa án có hẹn ngày giờ cụ thể để bà đến nhận tài liệu và nộp chi phí sao chụp tài liệu theo quy định, sự việc được lập biên bản ghi nhận cùng ngày. Bà đã nộp Đơn xin hoãn phiên tòa ngày 11/4/2025 tại Bộ phận tiếp nhận Văn phòng Tòa án có nội dung : *“Tôi chưa tiếp cận được hồ sơ vụ việc...”* và nộp kèm theo các văn bản tố tụng mà Tòa án đã tổng đạt cho bà. Bà T3 đã bỏ về trước khi Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh khai mạc phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai. Hội đồng xét không chấp nhận đối với Đơn xin hoãn phiên tòa ngày 11/4/2025 của bị đơn bà Huỳnh Thị Ánh T3 khi bà cho rằng bà chưa tiếp cận được hồ sơ vụ việc. Ngày 09/4/2025, bị đơn ông Trần Minh N1 có nộp Đơn đề nghị bổ sung vụ việc liên quan và các tài liệu nộp kèm theo trong đó có Quyết định hoãn phiên tòa số 238/2025/QĐST-DS ngày 13/3/2025, cụ thể là yêu cầu phải đưa vụ án tranh chấp hợp đồng đặt cọc do một thẩm phán khác đang giải quyết nhập vào hồ sơ vụ án này sau khi đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 238/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2025. Trong khi suốt quá trình giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Trần Minh N1 có biết được sự việc và nhận được các văn bản tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng ông N1 vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và không có văn bản nào gửi đến Tòa án ghi ý kiến cá nhân của ông. Hội đồng xét xử nhận thấy các bị đơn ông Trần Minh N1 và bà Huỳnh Thị Ánh T3 không có thiện chí trong việc thanh toán toàn bộ số nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (B1) và xử lý đối với tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 546, tờ bản đồ số 14, tại địa chỉ một phần nhà 5 T, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc kéo dài vụ án sẽ gây khó khăn thu hồi nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (B1).

Về chi phí tố tụng khác : Trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án có thực hiện việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với đối với tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 546, tờ bản đồ số 14, tại địa chỉ một phần nhà 5 T, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (B1) đã tạm ứng trước số tiền là 5.000.000 (năm triệu) đồng. Nay, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (B1) yêu cầu bị đơn ông Trần Minh N1 và bà Huỳnh Thị Ánh T3 phải hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (B1) số tiền trên là phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 31/12/2016. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (B1) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Trần Minh N1 và bà Huỳnh Thị Ánh T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 118.949.365 (một trăm mười tám triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi lăm) đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 147, Điều 178, Điều 179, Điều 225, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 269, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 295, Điều 299, Điều 317, Điều 323, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 12 Nghị Định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm ngày 29/12/2006, Điều 49 và Điều 52 Nghị định 21/2021/NĐ-CP hướng dẫn Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ ngày 15/5/2021; Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2 Quy định hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước đối với khách hàng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 31/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (B1).

Bị đơn ông Trần Minh N1 và bà Huỳnh Thị Ánh T3 có nghĩa vụ thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng Đ (B1) toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/4/2025) theo Hợp đồng tín dụng số 02/2020/4570799/HĐTD ký ngày 01/04/2020 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 và Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 02/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 là : 10.949.364.862 (mười tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi hai) đồng trong đó: Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 02/2020/4570799/HĐTD ký ngày 01/04/2020 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung là 10.723.309.366 (mười tỷ bảy trăm hai mươi ba triệu ba trăm linh chín nghìn ba trăm sáu mươi sáu) bao gồm nợ gốc : 8.575.022.000 (tám tỷ năm trăm bảy mươi năm triệu không trăm hai mươi hai nghìn) đồng, nợ lãi : 2.148.287.366 (hai tỷ một trăm bốn mươi tám triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi sáu) đồng; Dư nợ theo Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 là 81.068.821 (tám mươi một triệu không trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm hai mươi một) đồng bao gồm nợ gốc : 52.376.068 (năm mươi hai triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm sáu mươi tám) đồng, nợ lãi : 28.692.753 (hai mươi tám triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi ba) đồng và Dư nợ theo Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 02/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 là 144.986.676 (một trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm

bảy mươi sáu) đồng bao gồm nợ gốc : 86.001.660 (tám mươi sáu triệu không trăm linh một nghìn sáu trăm sáu mươi) đồng, nợ lãi : 58.985.016 (năm mươi tám triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn không trăm mười sáu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

Trong trường hợp đến hạn trả tiền mà bị đơn ông Trần Minh N1 và bà Huỳnh Thị Ánh T3 không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng TMCP Đ (B1) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật về xử lý tài sản thế chấp kể cả việc kê biên, phát mãi để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đ (B1) đối với tài sản bảo đảm Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 546, tờ bản đồ số 14, tại địa chỉ một phần nhà 5 T, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CO 955915 (Số vào sổ cấp GCN số CH06369) do Ủy Ban Nhân Dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/01/2020; Đăng ký biến động chủ sử dụng đất gần nhất ngày 08/04/2020 để Bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bị đơn đối với Ngân hàng TMCP Đ phát sinh từ các hợp đồng cấp tín dụng : Hợp đồng tín dụng số 02/2020/4570799/HĐTD ký ngày 01/04/2020 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 và Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 02/2020/4570799/HĐPHTTD ký ngày 06/05/2020 theo Hợp đồng thế chấp số 02/2020/4570799/HĐBĐ ký ngày 13/04/2020 để ưu tiên thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ của bị đơn đối với Ngân hàng TMCP Đ. Trường hợp sau khi đã thanh toán toàn bộ số nợ của bị đơn ông Trần Minh N1 và bà Huỳnh Thị Ánh T3 vẫn còn thì sẽ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của Công ty CP G (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305368895 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp lần đầu ngày 05/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/08/2016) đối với Ngân hàng TMCP Đ (B1) phát sinh từ các hợp đồng cấp tín dụng: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/10141952/HĐTD ngày 07/06/2019, hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/10141952/HĐTD ngày 08/06/2020 và hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/10141952/HĐTD ngày 11/06/2021. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ để thanh toán nợ gốc và lãi cho các nghĩa vụ nêu trên thì yêu cầu ông Trần Minh N1 và bà Huỳnh Thị Ánh T3 tiếp tục phải thực hiện cho đến khi hoàn tất số nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Minh N1 và bà Huỳnh Thị Ánh T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 118.949.365 (một trăm mười tám triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi lăm) đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền. Ngân hàng TMCP Đ (B1) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ (B1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.637.780 (năm mươi tám triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi) đồng theo biên lai thu số AA/2023/0006790 ngày 05/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, T2 phố Hịa Chí M.

Về chi phí tố tụng khác : Buộc bị đơn ông Trần Minh N1 và bà Huỳnh Thị Ánh T3 phải trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (B1) số tiền nộp tạm ứng chi phí tố tụng để xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 5.000.000 (năm triệu) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THA DS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hiền